

## TIẾN TỚI BIÊN SOẠN TỪ ĐIỂN THUẬT NGỮ CÔNG AN PHÁP - VIỆT

NGUYỄN THỊ HUỆ\*

**Abstract:** This paper proposes a scientific approach for the compilation of a French - Vietnamese dictionary of police terminology, to address the growing need for standardizing specialized terminology in the context of international integration. The study applies theories of lexicography, contrastive linguistics, and corpus analysis to construct a five-phase process: collecting and classifying domain-specific corpora, establishing equivalent term pairs, standardizing entry structure, consulting experts, and finalizing its presentation on a dedicated software platform. The dictionary is designed according to a hierarchical conceptual structure to ensure accuracy, internal logic, and high applicability in training, translation, and legal collaboration. The article also identifies certain limitations of the current research and proposes future directions such as practical trials, integration of intelligent search technologies, and expansion into multilingual contrastive studies.

**Keywords:** *bilingual dictionary - police terminology - terminology standardization - international legal cooperation*

### 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hoá sâu rộng, sự gia tăng các hình thức tội phạm xuyên quốc gia như buôn bán người, tội phạm mạng, tội phạm ma túy, tội xâm hại trẻ em, tội phạm môi trường... đã và đang đặt ra những thách thức lớn đối với các quốc gia trên thế giới. Để đối phó hiệu quả với những vấn đề này, việc tăng cường hợp tác giữa các cơ quan thực thi pháp luật của các nước trở thành một yêu cầu cấp thiết. Trong quá trình hợp tác đó, ngôn ngữ - đặc biệt là hệ thống thuật ngữ chuyên ngành - đóng vai trò câu nổi quan trọng, hỗ trợ giao tiếp, dịch thuật và xử lý thông tin một cách chính xác và hiệu quả.

Trong lĩnh vực pháp luật nói chung và ngành công an nói riêng, các công cụ ngôn ngữ học như từ điển song ngữ chuyên ngành được xem là những yếu tố hỗ trợ thiết yếu trong đào tạo, nghiên cứu cũng như trong hoạt động biên, phiên dịch. Tuy nhiên, hiện nay tại Việt Nam, các công trình từ điển Pháp - Việt chủ yếu tập trung vào hệ thống thuật ngữ pháp lý phổ thông. Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như: *Lexique juridique et administratif français-vietnamien* của Nguyễn Gia Khánh [15], *Từ điển thuật ngữ pháp lý* của Tôn Thất Quỳnh Bằng [14], hay *Từ điển thuật ngữ pháp luật Pháp - Việt* của Nguyễn Văn Bình và cộng sự [1]. Mặc dù đây là những công trình có giá trị, nhưng chúng chưa đi sâu vào hệ thống thuật ngữ đặc thù của lực lượng công an, vốn là lĩnh vực có tính chuyên biệt cao cả về nội dung lẫn ngữ cảnh sử dụng.

Khoảng trống này dẫn đến sự thiếu hụt về công cụ hỗ trợ ngôn ngữ dành riêng cho công tác nghiệp vụ công an, đặc biệt là trong các tình huống cần phối hợp quốc tế. Việc không có một hệ thống thuật ngữ chuẩn hoá có thể gây ra hiểu nhầm trong giao tiếp, ảnh hưởng đến quá trình xử lý các vụ án và làm giảm hiệu quả phối hợp giữa các lực lượng chức năng của các quốc gia trên thế giới.

Từ thực tế đó, nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu: xây dựng một từ điển thuật ngữ công an Pháp - Việt chuyên sâu, có tính hệ thống và ứng dụng cao. Khác với các từ điển pháp lý hiện hành, công trình này tập trung khai thác và chuẩn hoá hệ thống thuật ngữ chuyên ngành công an, hướng đến phục vụ hiệu quả cho cán bộ chiến sĩ, giảng viên, sinh viên các học viện, trường đại học công an, cũng như các chuyên gia biên phiên dịch, cán bộ đối ngoại và các cơ quan thực thi pháp luật quốc tế.

Câu hỏi nghiên cứu đặt ra là: Làm thế nào để xây dựng một từ điển thuật ngữ công an Pháp - Việt đảm bảo tính chính xác, khoa học và có khả năng ứng dụng trong thực tiễn đào tạo, nghiên cứu và phối hợp quốc tế?

Nghiên cứu được triển khai dựa trên cơ sở ngữ liệu được thu thập có chọn lọc từ nhiều nguồn chính thống như *Lịch sử và từ điển Cảnh sát Pháp* [16], *Từ điển Bách khoa Công an Nhân dân Việt Nam* [3], các giáo trình chuyên ngành, hồ sơ vụ án, tình huống pháp lý, án lệ và các tài liệu từ Interpol,

\* Học viện Cảnh sát nhân dân

Europol cùng một số cơ quan thực thi pháp luật quốc tế. Từ đó, bài viết sẽ trình bày các định hướng biên soạn, tiêu chí lựa chọn thuật ngữ và nguyên tắc tổ chức mục từ, với mục tiêu tạo ra một công cụ ngôn ngữ chuyên ngành có tính ứng dụng cao, góp phần nâng cao chất lượng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm.

## 2. Cơ sở lý thuyết

### 2.1. Từ điển và từ điển thuật ngữ công an Pháp Việt

Từ điển là một loại tài liệu ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng trong việc chuẩn hoá, lưu trữ và truyền đạt tri thức. Tùy theo mục đích sử dụng, từ điển có thể được phân loại thành từ điển phổ thông, từ điển chuyên ngành, từ điển song ngữ, từ điển bách khoa, v.v.

Theo Nguyễn Văn Tu, từ điển là “sách tra cứu bao gồm các từ, ngữ được sắp xếp theo một trật tự nhất định, giải thích ý nghĩa của các đơn vị được miêu tả, cung cấp những thông tin khác nhau về chúng hoặc dịch chúng ra một ngôn ngữ khác hoặc thông báo những kiến thức về các đối tượng đo chúng biểu thị.” [10, tr. 269].

Cuốn *Giáo trình từ điển học* của L. Zgusta dẫn định nghĩa toàn diện của C.C. Bergl: “Một cuốn từ điển là một danh mục được sắp xếp có hệ thống của các hình thức ngôn ngữ đã được xã hội hoá, thu thập từ những thói quen nói năng của một cộng đồng ngôn ngữ nhất định và được biên soạn chú giải sao cho người đọc có một trình độ nhất định hiểu được ý nghĩa của từng hình thức ngôn ngữ riêng rẽ và biết được những điều cần yếu về chức năng của nó trong cộng đồng ngôn ngữ ấy.” (dẫn theo [13, tr. 245]).

Theo Phạm Hùng Việt: “Từ điển là một công trình tra cứu, lưu chứa các từ ngữ tách rời của vốn từ ngữ nói chung (hay một bộ phận các từ ngữ chuyên biệt) của ngôn ngữ, kèm theo các thông tin (đầy đủ hoặc chỉ một số thông tin) về chính tả, cách phát âm, ý nghĩa, từ đồng nghĩa, trái nghĩa, sự phát sinh và lịch sử của các từ đó. Để tiện tra cứu, phần lớn các từ điển, các từ ngữ được sắp xếp theo trật tự bảng chữ cái, các thông tin được minh hoạ bằng những trích dẫn từ các tác phẩm văn học” [11, tr. 9].

Nguyễn Khánh Hà [4] quan niệm từ điển thuật ngữ là một tập hợp các thuật ngữ thuộc vào một lĩnh vực chủ đề cụ thể, hướng tới nguồn tự vựng chuyên ngành chứ không phải toàn bộ từ vựng của ngôn ngữ như từ điển phổ quát. Hệ thống khái niệm đằng sau các thuật ngữ thuộc vào một lĩnh vực chủ đề, các khái niệm này liên hệ với nhau theo kiểu tôn ti hoặc liên hợp chặt chẽ, do đó không thể xử lý chúng như những ngôn ngữ thông thường trong kho từ vựng chung của ngôn ngữ.

Dựa trên những quan điểm lý thuyết đó, từ điển thuật ngữ công an Pháp - Việt có thể được định nghĩa là một công cụ ngôn ngữ học có tính chuyên môn hoá cao, tập trung vào hệ thống thuật ngữ sử dụng trong hoạt động nghiệp vụ công an như: tình báo, điều tra, kỹ thuật hình sự, tư pháp, hậu cần, cứu nạn - cứu hộ và hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Các thuật ngữ này không chỉ phản ánh đặc trưng ngôn ngữ của ngành công an mà còn mang tính pháp lý và kỹ thuật, đòi hỏi sự chính xác cao trong việc chuyển ngữ và sử dụng.

Việc phân loại từ điển cũng đóng vai trò quan trọng trong việc xác định định hướng biên soạn. Trần Thị Dự [2] trong luận văn thạc sĩ về cấu trúc vi mô của *Từ điển Bách khoa Công an nhân dân Việt Nam* đã hệ thống lại quan điểm phân loại từ điển của nhiều học giả, trong đó, L.V. Sherba đã đề xuất sáu cặp phân loại đối lập, tiêu biểu như: từ điển hàn lâm - tra cứu, bách khoa - ngôn ngữ, giải thích - đối dịch,... Theo tiêu chí này, từ điển công an Pháp - Việt được xếp vào nhóm từ điển đối dịch từ ngôn ngữ nguồn (tiếng Pháp) sang ngôn ngữ đích (tiếng Việt), hay nói cách khác, từ điển song ngữ Pháp - Việt nhằm phục vụ mục đích tra cứu và học thuật cho người học tiếng Pháp chuyên ngành, dịch thuật viên và cán bộ ngành công an trong bối cảnh hợp tác và hội nhập quốc tế.

Mặc dù lý thuyết về từ điển và từ điển thuật ngữ đã được phát triển tương đối toàn diện, song thực tế cho thấy hiện nay chưa có một công trình nào tập trung xây dựng hệ thống thuật ngữ công an Pháp - Việt dưới dạng từ điển chuyên biệt. Các từ điển pháp lý hiện có thường mang tính phổ quát, không đáp ứng được tính đặc thù, đa ngành và độ chính xác cao trong lĩnh vực thực thi pháp luật và an ninh. Từ khoảng trống đó, nghiên cứu này đóng góp một hướng đi mới: xây dựng một từ điển đối dịch Pháp - Việt chuyên ngành công an, vừa có cơ sở lý luận vững chắc, vừa có khả năng ứng dụng thực tiễn cao trong đào tạo, nghiên cứu và phối hợp nghiệp vụ quốc tế trong phòng chống tội phạm.

## 2.2. Cấu trúc của từ điển

Bất cứ loại hình từ điển nào cũng bao gồm hai cấu trúc cơ bản là *cấu trúc vĩ mô* và *cấu trúc vi mô*.

### 2.2.1. Cấu trúc vĩ mô của từ điển

Trong biên soạn từ điển, cấu trúc vĩ mô (macro-structure) là một yếu tố cơ bản, đóng vai trò định hướng tổng thể về hình thức tổ chức và nội dung của cuốn từ điển. Đây là hệ thống cấu trúc theo chiều dọc, thể hiện qua danh mục mục từ được lựa chọn và sắp xếp theo một hệ thống nhất định - thường là theo thứ tự bảng chữ cái - từ đó đảm bảo tính logic, mạch lạc và nhất quán cho toàn bộ cuốn từ điển. Khái niệm Cấu trúc vĩ mô (macrostructure) vốn được sử dụng trong từ điển học với nghĩa là cấu trúc bao gồm toàn thể các mục từ được sắp xếp trong từ điển theo một trật tự xác định; còn có thể gọi là cấu trúc tổng thể hay cấu trúc bảng từ. Khái niệm *cấu trúc vĩ mô* đi liền với khái niệm *cấu trúc vi mô* (microstructure) là cấu trúc toàn bộ những thông tin được trình bày một cách hệ thống trong mỗi mục từ; có thể gọi là cấu trúc mục từ. Cặp thuật ngữ này được dùng lần đầu tiên trong từ điển học ở công trình của J. Rey Debove [12].

Theo Hoàng Phê và Nguyễn Ngọc Trâm [6], cấu trúc vi mô cần được xác lập ngay từ giai đoạn đầu của quy trình biên soạn từ điển, đóng vai trò như một khung định hướng chung. Việc xây dựng bảng mục từ không chỉ phụ thuộc vào tính hệ thống của ngôn ngữ mà còn phải căn cứ vào mục tiêu sử dụng, đối tượng người dùng và đặc điểm chuyên biệt của lĩnh vực chuyên ngành. Danh mục này cần được tổ chức khoa học, bảo đảm sự toàn vẹn và liên kết chặt chẽ giữa các đơn vị từ vựng. Quan điểm này thể hiện cách tiếp cận cấu trúc vĩ mô từ góc độ tổ chức hình thức, chú trọng đến quy tắc lựa chọn và sắp xếp mục từ. Ở góc độ tiếp cận khác, Hà Quang Năng [5] mở rộng khái niệm cấu trúc vĩ mô bằng cách nhấn mạnh vai trò của nó trong việc thể hiện các đơn vị phức hợp và đa nghĩa, đặc biệt là các tổ hợp mang tính thuật ngữ trong từ điển chuyên ngành. Theo đó, cấu trúc vĩ mô không chỉ là bảng mục từ đơn thuần mà còn bao gồm các nguyên tắc trình bày thông tin ngôn ngữ, phản ánh bản chất chuyên sâu và đặc thù của nội dung. Sự khác biệt trong quan điểm của hai học giả trên - một bên nhấn mạnh hình thức tổ chức bảng từ, một bên đi sâu vào chức năng và nội dung - thực chất không đối lập mà mang tính bổ sung cho nhau về mặt học thuật. Cách tiếp cận của Hà Quang Năng có thể được xem là sự mở rộng hợp lý từ nền tảng mà Hoàng Phê và Nguyễn Ngọc Trâm đã xây dựng cho phép người biên soạn từ điển có được một cái nhìn toàn diện, vừa đảm bảo tính hệ thống về mặt hình thức, vừa đáp ứng yêu cầu chuyên môn hoá và ứng dụng cao trong thực tiễn.

Đối với từ điển thuật ngữ công an Pháp - Việt, cấu trúc vĩ mô cần phản ánh đầy đủ đặc điểm đa lĩnh vực của ngành công an, bao gồm các mảng nghiệp vụ như: điều tra, trình sát, tư pháp, kĩ thuật hình sự, tình báo, hậu cần - kĩ thuật, cứu nạn - cứu hộ và hợp tác quốc tế. Cấu trúc này phải đủ linh hoạt để thể hiện các thuật ngữ đặc thù nhưng vẫn đảm bảo tính chuẩn hoá và tra cứu dễ dàng, phù hợp với yêu cầu của cán bộ công an, dịch thuật viên, học viên và các cơ quan thực thi pháp luật trong và ngoài nước.

### 2.2.2. Cấu trúc vi mô của từ điển

Cấu trúc vi mô (micro-structure) của từ điển là cấu trúc theo chiều ngang, phản ánh cách thức trình bày chi tiết thông tin bên trong từng mục từ. Đây là yếu tố quan trọng giúp người dùng tiếp cận được nội dung ngôn ngữ cụ thể, đảm bảo khả năng tra cứu chính xác, rõ ràng và hệ thống. Cấu trúc này bao gồm hai thành phần chính: *từ đầu mục* và *các thông tin kèm theo từ đầu mục*.

Theo Trần Thị Dự [2], từ đầu mục là trung tâm của mỗi mục từ, đồng thời đóng vai trò kép: vừa là đơn vị thuộc cấu trúc vĩ mô (nằm trong bảng mục từ), vừa là điểm khởi phát cho cấu trúc vi mô - nơi tập hợp toàn bộ thông tin liên quan đến đơn vị ngôn ngữ đó. Việc phân biệt rõ ràng giữa từ đầu mục (dạng đại diện) và mục từ (nội dung đầy đủ) là cần thiết trong tổ chức dữ liệu từ điển.

Chu Bích Thu [8], đã liệt kê các thành phần thông tin phổ biến trong cấu trúc vi mô bao gồm: chính tả, cách phát âm, từ loại, đặc điểm cú pháp, khả năng kết hợp, định nghĩa, phong cách sử dụng, sắc thái biểu cảm, v.v. Những thông tin này có thể được trình bày dưới dạng viết tắt hoặc diễn giải đầy đủ, tùy theo định hướng biên soạn và ngữ cảnh ngôn ngữ.

Đối với từ điển thuật ngữ song ngữ, Hà Quang Năng [5], nhấn mạnh vai trò của chuẩn hoá hình thức trình bày từ đầu mục, với các quy tắc cụ thể như: Danh từ được trình bày ở dạng số ít, trừ những

trường hợp đặc biệt luôn ở dạng số nhiều; Động từ, tính từ thể hiện ở dạng nguyên thể (infinitif); Viết hoa chỉ áp dụng cho những đơn vị vốn viết hoa trong văn bản gốc.

Bên cạnh hình thức, nội dung thông tin trong mỗi mục từ của từ điển song ngữ cần đảm bảo đầy đủ các trường dữ liệu quan trọng như: thuật ngữ nguồn (tiếng Pháp), thuật ngữ đích (tiếng Việt), số hiệu tra cứu, chủ đề chuyên ngành, lĩnh vực sử dụng. Ngoài ra, có thể mở rộng với các yếu tố bổ trợ như: từ đồng nghĩa, từ viết tắt, cách phát âm, ngữ pháp, ngữ cảnh sử dụng, ghi chú về cách dùng và liên hệ khái niệm nhằm tăng tính ứng dụng thực tế.

Từ đó có thể khẳng định rằng, cấu trúc vi mô đóng vai trò trung tâm trong việc đảm bảo tính chính xác, logic và khả năng tra cứu hiệu quả cho người dùng, đặc biệt trong các loại từ điển chuyên ngành như từ điển thuật ngữ công an Pháp - Việt. Việc xác lập một mô hình cấu trúc vi mô khoa học và chặt chẽ là cơ sở quan trọng để nâng cao giá trị học thuật và tính thực tiễn của công trình.

### **2.3. Một số nguyên tắc xây dựng từ điển**

Việc xây dựng một từ điển thuật ngữ chuyên ngành, đặc biệt là từ điển song ngữ như từ điển thuật ngữ công an Pháp - Việt, đòi hỏi sự tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc biên soạn nhằm đảm bảo tính chính xác, hệ thống và ứng dụng cao. Nhiều học giả như Zgusta [13], Sager [18], Hoàng Phê & Nguyễn Ngọc Trâm [6], Chu Bích Thu [9],... đều nhấn mạnh rằng tính đơn nghĩa, khả năng chuẩn hoá và định hướng đến chức năng truyền đạt khái niệm là các tiêu chí cốt lõi trong biên soạn từ điển chuyên ngành.

Zgusta [13] khẳng định rằng cấu trúc của từ điển chuyên ngành cần loại bỏ lớp các lớp nghĩa tình thái hoặc phong cách, thay vào đó tập trung vào nghĩa biểu vật hoặc biểu niệm của đơn vị từ vựng. Đây là một đặc điểm khác biệt quan trọng giữa từ điển phổ thông và từ điển thuật ngữ chuyên biệt.

Từ góc độ ngôn ngữ học ứng dụng, Sager [18] cho rằng mỗi thuật ngữ trong lĩnh vực chuyên ngành thường chỉ tương ứng với một khái niệm cụ thể. Hệ thống khái niệm trong các lĩnh vực chuyên môn như khoa học, kỹ thuật hay pháp luật có mức độ chính xác và tính hệ thống cao hơn nhiều so với hệ thống khái niệm trong ngôn ngữ thông dụng. Vì vậy, để đảm bảo tính khoa học và khả năng chuẩn hoá, các mục từ trong từ điển thuật ngữ cần được trình bày dưới dạng định nghĩa khái niệm rõ ràng, ngắn gọn, chính xác, phản ánh đúng nội dung chuyên môn mà thuật ngữ biểu đạt.

Hoàng Phê và Nguyễn Ngọc Trâm [6] cũng nhấn mạnh vai trò của cấu trúc vi mô và bảng mục từ được xác lập ngay từ đầu nhằm đảm bảo sự nhất quán, toàn diện và logic trong tổ chức hệ thống từ vựng chuyên ngành. Chu Bích Thu [8] thì cho rằng cấu trúc vi mô đóng vai trò quyết định trong việc thể hiện rõ các trường thông tin cần thiết cho mỗi mục từ, từ đó giúp người dùng dễ dàng tiếp cận và khai thác chính xác nội dung chuyên môn.

Nguyễn Khánh Hà [4], từ điển thuật ngữ có những đặc điểm riêng biệt về mục tiêu sử dụng, đối tượng người dùng và phương thức thể hiện khái niệm. Trong khi từ điển phổ thông thường bao hàm các hiện tượng đồng nghĩa, đa nghĩa và sắc thái tình thái thì từ điển thuật ngữ lại có xu hướng quy chuẩn hoá mạnh mẽ, nhằm thiết lập hệ thống thuật ngữ đơn nghĩa và minh bạch về mặt khái niệm. Việc loại bỏ các lớp nghĩa phong cách là điều kiện cần thiết để đảm bảo tính chính xác trong truyền đạt thông tin của các lĩnh vực có tính pháp lý và nghiệp vụ cao như công an. Vì vậy, quá trình biên soạn cần được định hướng rõ ràng, gắn với mục tiêu chuẩn hoá hệ thống ngữ liệu chuyên ngành.

Đặng Thị Phượng [7] cung cấp một khuôn khổ toàn diện cho việc chuẩn hoá và hệ thống hoá từ vựng chuyên ngành, làm nền tảng cho các công trình biên soạn từ điển chuyên sâu. Tác giả nhấn mạnh sự khác biệt giữa từ điển chuyên ngành và từ điển thông thường ở mức độ hệ thống hoá, tính chuyên biệt và định hướng khái niệm. Quá trình biên soạn cần đảm bảo nguyên tắc lựa chọn ngữ liệu phù hợp, tổ chức mục từ có cấu trúc vi mô - vi mô rõ ràng, đồng thời xử lý hiệu quả các hiện tượng đa nghĩa, đồng âm, đồng nghĩa. Đặc biệt, trong trường hợp từ điển song ngữ, việc xác định nghĩa tương đương đòi hỏi phải tham khảo chuyên gia, cân nhắc đến yếu tố văn hoá - pháp lý - nghiệp vụ của từng quốc gia. Bài viết của tác giả

Chính vì vậy, một nguyên tắc quan trọng trong biên soạn từ điển thuật ngữ là không đưa vào các lớp nghĩa phong cách hoặc tình thái mà tập trung vào nội dung khái niệm và chức năng truyền đạt

chuyên môn. Điều này đặc biệt cần thiết trong lĩnh vực công an, nơi yêu cầu sự chính xác tuyệt đối trong sử dụng ngôn ngữ để đảm bảo hiệu quả thực thi nhiệm vụ và phối hợp quốc tế.

Tóm lại, việc xây dựng từ điển thuật ngữ công an Pháp - Việt cần được thực hiện trên nền tảng tiếp cận khái niệm - chức năng, lấy quy chuẩn hoá và đơn nghĩa làm định hướng xuyên suốt. Chỉ khi đảm bảo được những nguyên tắc cơ bản này, từ điển mới có thể phát huy đầy đủ vai trò là công cụ ngôn ngữ học ứng dụng trong đào tạo, nghiên cứu và thực tiễn nghiệp vụ.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này vận dụng ba phương pháp chính, tập trung hỗ trợ cho quá trình chuẩn hoá, đối chiếu và kiểm nghiệm thuật ngữ chuyên ngành.

(1) Phương pháp đối chiếu ngôn ngữ: Đây là phương pháp cốt lõi trong quá trình biên soạn từ điển song ngữ, nhằm xác lập mối quan hệ tương đương giữa các thuật ngữ trong hệ thống ngôn ngữ công an Pháp và Việt. Việc đối chiếu được tiến hành ở các mức độ: Tương đương 1:1 (một thuật ngữ Pháp tương ứng một thuật ngữ Việt); Tương đương 1: nhiều hoặc nhiều: 1 (điều chỉnh theo ngữ cảnh nghiệp vụ); Không tương đương (đề xuất giải pháp dịch hoặc tạo mới tương đương thuật ngữ). Phương pháp này giúp làm rõ các cấp độ nghĩa, xác định chính xác các đơn vị từ vựng cần đưa vào từ điển, đồng thời phát hiện và xử lý những chỗ không đồng nhất về khái niệm giữa hai hệ thống pháp luật.

(2) Phương pháp phân tích và xử lý ngữ liệu chuyên ngành: Để đảm bảo tính khoa học và độ tin cậy của hệ thống mục từ, nghiên cứu tiến hành thu thập và xử lý ngữ liệu thực tế từ nhiều nguồn chuyên ngành uy tín như: lịch sử và từ điển cảnh sát hiện đại (Pháp), *Từ điển Bách khoa Công an Nhân dân Việt Nam*, giáo trình tại các học viện cảnh sát, văn bản pháp luật, hồ sơ nghiệp vụ, các tài liệu của Interpol, Europol và cơ quan thực thi pháp luật Pháp. Ngữ liệu được phân loại theo các lĩnh vực nghiệp vụ công an như: tình báo, điều tra, pháp y, tư pháp, cứu nạn - cứu hộ, ... nhằm xác định danh mục thuật ngữ ưu tiên cần biên soạn, đồng thời phục vụ cho việc lập bảng từ.

(3) Phương pháp tham khảo chuyên gia và kiểm định thực tế: Sau quá trình biên soạn sơ bộ, thuật ngữ được kiểm định thông qua phỏng vấn chuyên sâu, thảo luận nhóm và phản biện với các chuyên gia trong lĩnh vực công an, giảng viên các học viện, nhà trường công an và cán bộ pháp lý có kinh nghiệm hợp tác quốc tế. Phương pháp này giúp kiểm tra độ chính xác, phù hợp của thuật ngữ trong ngữ cảnh sử dụng thật và điều chỉnh nội dung trình bày mục từ để đảm bảo khả năng tra cứu và ứng dụng cao.

### 4. Quy trình biên soạn từ điển

Nhằm tiến tới việc xây dựng một từ điển thuật ngữ công an Pháp - Việt mang tính hệ thống, khoa học và ứng dụng cao, quy trình biên soạn được triển khai qua các giai đoạn cụ thể như sau:

#### **Giai đoạn 1: Xác lập nguồn và phân loại thuật ngữ**

Giai đoạn đầu tiên là thiết lập cơ sở dữ liệu đầu vào: Đây là bước khởi đầu mang tính quyết định, nhằm đảm bảo sự đầy đủ, chính xác và nhất quán của hệ thống mục từ trong toàn bộ công trình từ điển; cũng là giai đoạn đóng vai trò nền tảng cho toàn bộ quá trình xử lý, đối chiếu và chuẩn hoá thuật ngữ trong các giai đoạn tiếp theo.

Nhóm nghiên cứu tiến hành thu thập ngữ liệu tiếng Pháp - ngôn ngữ nguồn của từ điển, từ các tài liệu chuyên ngành có độ tin cậy cao và tính học thuật vững chắc. Cụ thể, ngữ liệu được chọn lọc từ các nguồn như *Dictionnaire de Police Moderne pour toute la France* [17], *Histoire et Dictionnaire de la Police Française* [16], giáo trình và tài liệu giảng dạy của Trường Đại học Cảnh sát Quốc gia Pháp, bảng thuật ngữ chuyên ngành (glossaire) trên các trang web chính thức của Bộ Nội vụ Pháp và Cảnh sát quốc gia, các bài viết học thuật, báo cáo nghiên cứu và kỉ yếu hội thảo quốc tế liên quan đến an ninh, thực thi pháp luật và hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Trên cơ sở nguồn ngữ liệu đã thu thập, tiến hành xây dựng bảng mục từ tiếng Pháp với quy mô dự kiến khoảng 30.000 đơn vị thuật ngữ, và được phân loại theo bảy lĩnh vực chuyên môn, nhằm phục vụ cho việc xử lý chuyên sâu và thiết kế cấu trúc mục từ ở các giai đoạn tiếp theo. Bảy lĩnh vực bao gồm: (1) An ninh quốc gia và tình báo: Nhóm này bao gồm các thuật ngữ liên quan đến bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, văn hoá, giáo dục; các loại hình tình báo như tình báo quân sự, tình báo kinh tế, tình báo văn hoá; cùng với các khái niệm về điệp viên, gián điệp và các hình thức thu thập thông tin phục vụ công tác an ninh. (2) Trật tự

và an toàn xã hội: Tập trung vào các thuật ngữ nghiệp vụ của lực lượng cảnh sát, bao gồm trinh sát, điều tra hình sự, quản lí hành chính nhà nước về trật tự an toàn xã hội, kĩ thuật hình sự, thi hành án hình sự, hỗ trợ tư pháp và các loại tội phạm phổ biến như trộm cắp, cướp giật, ma túy, tội phạm công nghệ cao. (3) Pháp luật bảo vệ an ninh, trật tự và cải cách tư pháp: Bao gồm hệ thống các văn bản pháp luật và lĩnh vực pháp lí liên quan đến hoạt động công an, như Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Hành chính, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Môi trường, Luật Thi hành án hình sự và các quy định hỗ trợ tư pháp khác. (4) Xây dựng lực lượng công an: Nhóm thuật ngữ liên quan đến công tác tổ chức, cán bộ và phát triển nguồn nhân lực trong lực lượng công an các cấp, bao gồm bổ nhiệm, luân chuyển, phong, thăng cấp hàm, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí vị trí lãnh đạo, công tác chiến đấu và các khái niệm nghiệp vụ nội bộ khác. (5) Hậu cần - kĩ thuật: Nhóm thuật ngữ phản ánh các hoạt động bảo đảm vật chất và kĩ thuật cho lực lượng công an, bao gồm quân trang, quân dụng, vũ khí, khí tài, trang thiết bị phục vụ huấn luyện và chiến đấu; các khâu vận chuyển, lưu kho, sản xuất, phân tích kế hoạch, thu mua, kiểm kê và quản lí hàng hoá, vũ khí, vật tư y tế - đặc biệt là dược phẩm dùng trong nghiệp vụ. (6) Cứu nạn, cứu hộ và phòng cháy, chữa cháy: Bao gồm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động cứu hộ, cứu nạn; lực lượng chuyên trách; cùng với các loại hình sự cố như cháy nổ, sập nhà, sập công trình, tai nạn máy móc, sạt lở đất đá, người bị mắc kẹt, tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đuối nước tại ao hồ, sông ngòi... (7) Hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm: Nhóm này liên quan đến hoạt động hợp tác song phương và đa phương trong lĩnh vực thực thi pháp luật, bao gồm các thuật ngữ về tương trợ tư pháp, dẫn độ, hiệp định, nghị định thư, công ước quốc tế, thỏa thuận hợp tác, các cơ chế phối hợp và thông tin liên lạc quốc tế giữa các cơ quan thực thi pháp luật. Việc phân loại này không chỉ góp phần xác định phạm vi bao phủ và tổ chức nội dung chuyên ngành của từ điển mà còn đóng vai trò định hướng cho cấu trúc vĩ mô, đảm bảo tính logic và dễ dàng trong quá trình tra cứu và sử dụng.

Giai đoạn này kết thúc với việc hình thành một cơ sở dữ liệu thuật ngữ tiếng Pháp đã được phân loại chi tiết theo lĩnh vực, đóng vai trò làm nền tảng cho việc triển khai quy trình đối chiếu và biên soạn hệ thống mục từ song ngữ Pháp - Việt trong các giai đoạn tiếp theo một cách khoa học và nhất quán.

### ***Giai đoạn 2: Thiết lập cặp thuật ngữ tương đương***

Là giai đoạn chuyên từ khâu thu thập dữ liệu sang quá trình thiết lập hệ thống tương đương thuật ngữ giữa hai ngôn ngữ. Đây là bước đi quyết định trong việc xây dựng một hệ thống mục từ song ngữ có tính chuẩn hoá cao, phục vụ mục tiêu tra cứu, giảng dạy và thực hành nghiệp vụ.

Phương pháp đối chiếu ngôn ngữ học được áp dụng nhằm xác lập mối quan hệ tương ứng chính xác giữa thuật ngữ tiếng Pháp (ngôn ngữ nguồn) và tiếng Việt (ngôn ngữ đích). Việc đối chiếu không chỉ dựa vào hình thức từ vựng mà còn xét đến ngữ cảnh pháp lí, nghiệp vụ và khái niệm chuyên ngành, đảm bảo phù hợp với đặc thù của lĩnh vực công an. Quá trình thiết lập cặp tương đương được triển khai theo các nguyên tắc biên soạn rõ ràng về hình thức, nội dung và quy tắc sử dụng.

Để đảm bảo tính chính xác và kiểm soát hiệu quả trong quá trình biên soạn, nhóm nghiên cứu sẽ phát triển một phần mềm chuyên dụng dạng nền tảng web tại địa chỉ <http://tudiencongan.com>. Hệ thống phần mềm này hỗ trợ phát hiện trùng lặp tự động đảm bảo mỗi mục từ chỉ xuất hiện một lần trong toàn bộ cơ sở dữ liệu; ưu tiên nghĩa phù hợp đối với các thuật ngữ đa nghĩa, hệ thống sẽ tự động lựa chọn nghĩa sát nhất với bối cảnh sử dụng theo mức độ ưu tiên đã định và tổ chức thông tin theo chuẩn mục từ song ngữ, bao gồm thuật ngữ nguồn - đích, lĩnh vực, loại từ, số hiệu tra cứu, ngữ pháp và chú thích sử dụng.

Thông qua việc kết hợp giữa phương pháp đối chiếu ngôn ngữ học chuyên sâu và ứng dụng công nghệ thông tin, giai đoạn này không chỉ tạo tiền đề cho quá trình biên soạn mục từ mà còn thể hiện bước tiến cụ thể trong lộ trình xây dựng một từ điển thuật ngữ chuyên ngành, đúng như định hướng được xác lập trong tiêu đề bài nghiên cứu.

### ***Giai đoạn 3: Chuẩn hoá cấu trúc mục từ và trình bày***

Giai đoạn thứ ba trong tiến trình tiến tới biên soạn từ điển thuật ngữ công an Pháp - Việt tập trung vào việc chuẩn hoá cấu trúc mục từ và thiết kế hình thức trình bày nhằm đảm bảo tính nhất quán, hệ thống và khả năng ứng dụng cao trong tra cứu.

Ở giai đoạn này, nhóm nghiên cứu tiếp tục vận dụng phương pháp tham khảo chuyên gia trong lĩnh vực công an, pháp lí và từ điển học để rà soát, giải thích và điều chỉnh các mục từ đã được xác lập. Dữ liệu được trích xuất từ hệ thống phần mềm biên soạn dưới dạng bảng từ, sau đó được chỉnh sửa và sắp xếp theo trật tự chữ cái tiếng Pháp. Cấu trúc của mỗi mục từ bao gồm: chính tả, từ loại, định nghĩa khái niệm, thông tin ngữ pháp cơ bản, ngữ cảnh sử dụng (nếu có) đồng thời lồng ghép các tổ hợp từ vựng có liên hệ ngữ nghĩa. Các tổ hợp thuật ngữ không được tách thành mục từ riêng mà được đặt dưới mục từ gốc có vai trò hạt nhân ngữ nghĩa, từ đó tạo ra một hệ thống trình bày khép kín, dễ tra cứu và phản ánh đầy đủ các lớp nghĩa chuyên ngành. Ví dụ, mục từ *abstention* (nf) bao gồm các biến thể như *abstention de juge* (thẩm phán tự rút khỏi hội đồng xét xử), *abstention de porter secours* (không cứu giúp người trong tình trạng nguy hiểm), *abstention délictueuse* (tội không cứu giúp người), *abstention d'exécution de l'obligation alimentaire* (tội trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng) hay *abstention électorale* (bỏ phiếu trắng). Cách tổ chức này không chỉ giúp tối ưu hoá không gian trình bày mà còn phản ánh mối quan hệ khái niệm giữa các thuật ngữ cùng trường nghĩa, từ đó nâng cao tính hệ thống và chuẩn hoá cấu trúc vi mô của từ điển.

#### **Giai đoạn 4: Tham vấn và hiệu chỉnh chuyên gia**

Giai đoạn thứ tư trong tiến trình tiến tới biên soạn từ điển thuật ngữ công an Pháp - Việt được định hướng là bước tham vấn và hiệu chỉnh thông qua phản biện chuyên gia. Sau khi xây dựng bản thảo sơ bộ của hệ thống mục từ, nhóm nghiên cứu dự kiến sẽ thành lập một tổ chuyên gia cố vấn bao gồm các cán bộ công an, luật sư, giảng viên tại các cơ sở đào tạo ngành công an, cùng với các học giả có chuyên môn sâu trong lĩnh vực pháp lí và từ điển học. Ưu tiên được dành cho những chuyên gia đã từng học tập hoặc công tác tại Pháp hoặc các quốc gia sử dụng tiếng Pháp, đồng thời có kinh nghiệm thực tiễn trong một hoặc nhiều lĩnh vực đã xác lập ở Giai đoạn 1. Trên cơ sở danh mục thuật ngữ sơ bộ, nhóm nghiên cứu sẽ tiến hành tổ chức các buổi thảo luận chuyên đề, phỏng vấn bán cấu trúc và phản biện học thuật để đánh giá tính chính xác về ngữ nghĩa, mức độ phù hợp với khái niệm chuyên ngành và tính thực tiễn trong sử dụng. Việc tham vấn này đóng vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh nội dung, đảm bảo tính nhất quán, chuẩn hoá và cập nhật thực tiễn cho bộ từ điển. Giai đoạn này không chỉ là bước trung gian mang tính kiểm định học thuật mà còn là một phần thiết yếu trong quá trình chuyển giao từ khâu nghiên cứu lí thuyết sang triển khai ứng dụng, góp phần hiện thực hoá mục tiêu xây dựng một công cụ ngôn ngữ học chuyên ngành có giá trị sử dụng cao trong đào tạo, biên phiên dịch và hợp tác pháp lí quốc tế trong lĩnh vực công an.

#### **Giai đoạn 5: Thống nhất trình bày và hoàn thiện**

Giai đoạn cuối cùng trong tiến trình tiến tới biên soạn từ điển thuật ngữ công an Pháp - Việt là bước thống nhất hình thức trình bày và hoàn thiện hệ thống mục từ theo hướng chuẩn hoá. Sau khi đã tiến hành tham vấn chuyên gia và hiệu chỉnh nội dung ở các giai đoạn trước, nhóm nghiên cứu tiếp tục rà soát, thống nhất quy chuẩn trình bày trong toàn bộ từ điển nhằm đảm bảo tính nhất quán, khoa học và khả năng ứng dụng thực tế. Một nguyên tắc trọng tâm được áp dụng trong giai đoạn này là việc tổ chức các tổ hợp thuật ngữ có quan hệ ngữ nghĩa trong cùng một mục từ, lấy đơn vị cơ sở - tức thuật ngữ gốc - làm hạt nhân, từ đó triển khai các đơn vị mở rộng theo cấp độ khái niệm. Cách trình bày này cho phép người tra cứu tiếp cận được mối liên hệ giữa các đơn vị từ vựng một cách trực quan và logic, đồng thời phản ánh rõ cấu trúc hệ thống của ngôn ngữ chuyên ngành.

Ví dụ, mục từ *abstention* (nf) được định nghĩa là “không can dự, bỏ phiếu trắng, không tham gia”, và trong cùng mục từ này sẽ tích hợp các tổ hợp thuật ngữ liên quan như *abstention de juge*, *abstention de porter secours*, *abstention délictueuse*, *abstention d'exécution de l'obligation alimentaire* và *abstention électorale*. Việc sắp xếp theo hướng phân cấp như vậy không chỉ giúp tiết kiệm không gian trình bày mà còn làm nổi bật tính hệ thống và tính khái quát hoá trong xử lí mục từ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu, học tập và sử dụng trong môi trường nghiệp vụ và nghiên cứu chuyên ngành. Giai đoạn này đánh dấu bước hoàn thiện về mặt hình thức và cấu trúc, hướng tới việc xây dựng một công cụ ngôn ngữ học ứng dụng có khả năng hỗ trợ hiệu quả cho công tác đào tạo, dịch thuật và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thực thi pháp luật.

## 5. Kết luận

Nghiên cứu này đóng vai trò như một bước đi tiên phong trong việc xây dựng từ điển chuyên ngành phục vụ lực lượng công an - lĩnh vực vốn còn thiếu các công cụ ngôn ngữ học có tính hệ thống. Bằng cách kết hợp giữa lí thuyết và thực tiễn, giữa chuẩn hoá học thuật và ứng dụng công nghệ, hướng tiếp cận này không chỉ giúp tăng cường hiệu quả tra cứu và đào tạo mà còn tạo nền tảng quan trọng cho hợp tác quốc tế trong xử lí các vấn đề pháp lí, tội phạm xuyên quốc gia và dịch thuật chuyên sâu. Tuy vậy, nghiên cứu hiện tại vẫn còn một số hạn chế nhất định. Cụ thể, quy trình biên soạn mới dừng ở mức định hướng và chưa được triển khai thử nghiệm thực tế ở quy mô lớn; đồng thời, quá trình xác lập nghĩa tương đương giữa hai ngôn ngữ pháp lí có hệ tư duy và cấu trúc pháp chế khác nhau (Pháp - Việt) vẫn tiềm ẩn nhiều phức tạp cần tiếp tục khảo sát. Trong các nghiên cứu tiếp theo, cần tập trung vào việc triển khai thử nghiệm hệ thống mục từ trên nền tảng số, có phản hồi từ người sử dụng thực tế trong ngành công an, giảng dạy và biên phiên dịch. Ngoài ra, mở rộng hướng nghiên cứu sang đối chiếu đa ngữ (Pháp - Việt - Anh) hoặc tích hợp công cụ tra cứu thông minh với dữ liệu ngữ cảnh, sẽ là những bước phát triển tiềm năng, giúp xây dựng từ điển thuật ngữ công an hiện đại, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng trong kỉ nguyên hợp tác quốc tế và chuyển đổi số.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

#### Tiếng Việt

1. Nguyễn Văn Bình và cộng sự. *Từ điển thuật ngữ pháp luật Pháp - Việt*. NXB ĐHQG Hà Nội. 2003.
2. Trần Thị Dự. *Bước đầu tìm hiểu cấu trúc vi mô của từ điển bách khoa Công an nhân dân Việt Nam* (Luận văn thạc sĩ, ngành Ngôn ngữ học). Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG Hà Nội. 2013
3. Trần Vi Dân (chủ biên). *Từ điển bách khoa Công an nhân dân Việt Nam* (Tái bản lần thứ hai). Bộ Công an. 2022.
4. Nguyễn Khánh Hà. *Về phương pháp biên soạn từ điển thuật ngữ*. Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư. 2012.
5. Hà Quang Năng. *Một số vấn đề cơ bản về phương pháp luận biên soạn từ điển thuật ngữ*. Tạp chí Từ điển học & Bách khoa thư, 6 (11). 2010.
6. Hoàng Phê, Nguyễn Ngọc Trâm. *Một số vấn đề về từ điển học*. NXB Khoa học xã hội. 1997
7. Đặng Thị Phụng. *Về phương pháp biên soạn từ điển bách khoa chuyên ngành*. Tạp chí Từ điển học & Bách khoa thư. Số 3.2012
8. Chu Bích Thu. *Một số nét khái quát về cấu trúc vi mô của từ điển giải thích (trên cơ sở tư liệu từ điển giải thích tiếng Việt)*. Trong *Một số vấn đề về Từ điển học*. NXB Khoa học xã hội. 1997.
9. Chu Bích Thu. *Giới thiệu sơ lược về từ điển và từ điển học Việt Nam*. Tạp chí Ngôn ngữ, Số 14. 2001
10. Nguyễn Văn Tu. *Về việc giải thích từ nhiều nghĩa trong từ điển tiếng Việt*. Tạp chí Ngôn ngữ, Số 2. 1969.
11. Phạm Hùng Việt (chủ nhiệm). *Một số vấn đề lí luận và phương pháp luận cơ bản về từ điển học và bách khoa thư Việt Nam* (Đề tài khoa học cấp bộ 2009-2010). Hà Nội. 2009.

12. Rey-Debove, J. *Etude linguistique et semiotique des dictionnaires francais contemporains. La Haye-P.*, 1971. (Nghiên cứu từ điển hiện đại bằng tiếng Pháp về ngôn ngữ học và kí hiệu học - Viện Ngôn ngữ học Việt Nam, dịch).

13. Zgusta, L. *Giáo trình từ điển học*. NXB Viện Hàn lâm Tiệp Khắc. (Bản dịch của Viện Ngôn ngữ học). 1971.

#### Tiếng nước ngoài

14. Tôn Thất Quỳnh Bằng. *Dictionnaire des termes juridiques*. NXB Huế. 2012.
15. Nguyễn Gia Khánh. *Lexique juridique et administratif français-vietnamien*. L'Harmattan. 2009.
16. Aubouin, M., Teyssier, J.-F., & Tulard, J. *Histoire et dictionnaire de la Police Française*. Robert Laffont. 2005.
17. Alletz, M. (1823). *Dictionnaire de police moderne pour toute la France* (2<sup>e</sup> éd., Tome 1). Imprimerie de P. Mongie aîné. <https://gallica.bnf.fr/ark:/12148/bpt6k58237477.texteImage>
18. Sager, J. C. *A practical course in terminology processing*. John Benjamins Publishing Company. 1990.
19. <https://www.fnac.com/a1665531/Michel-Aubouin-Histoire-et-dictionnaire-de-la-Police-Francaise>
20. <https://www.police-nationale.interieur.gouv.fr/>
21. <https://www.police-nationale.interieur.gouv.fr/glossaire>
22. <https://www.police-nationale.interieur.gouv.fr/nous-decouvrir/notre-organisation/organisation/lecole-nationale-superieure-de-police-ensp>